

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

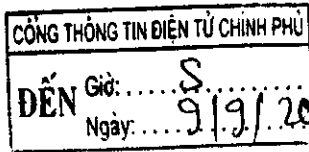
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24 /2015/QĐ-UBND

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí qua cầu Bình Thủy, huyện Châu Phú**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính không phải nộp phí khi qua trạm thu phí;

Căn cứ Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua cầu Bình Thủy, huyện Châu Phú;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng chịu phí: phương tiện tham gia giao thông đường bộ khi qua cầu Bình Thủy, kể cả phương tiện nước ngoài.

2. Đơn vị thu phí, Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí qua cầu Bình Thủy.

Điều 2. Các trường hợp được miễn thu phí

1. Người trực tiếp điều khiển phương tiện và hành khách ngồi trên các phương tiện giao thông khi qua cầu.

2. Người đi bộ qua cầu.

3. Các phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, xe mô tô hai bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) do: giáo viên, học sinh, sinh viên, thương binh, bệnh binh, trẻ em dưới 10 tuổi điều khiển.

4. Xe lăn dùng cho người khuyết tật.

5. Xe cứu thương, bao gồm cả các loại xe khác chở người bị tai nạn đến nơi cấp cứu.

6. Xe cứu hoả.

7. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp gồm: máy cày, máy bừa, máy xới, máy làm cỏ, máy tuốt lúa.

8. Xe hộ đê, xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão.

9. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh gồm: xe tăng, xe bọc thép, xe kéo pháo, xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân.

Ngoài ra, đối với xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng còn bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm (dưới đây gọi chung là biển số màu đỏ) có gắn các thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng (không phải là xe vận tải thùng rỗng) như: công trình xa, cầu nâng, tời, tổ máy phát điện. Riêng xe chở lực lượng vũ trang đang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ (không phân biệt có chở quân hay không chở quân).

Xe chuyên dùng phục vụ an ninh (dưới đây gọi chung là xe ô tô) của các lực lượng công an (Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố, Công an quận, huyện) bao gồm:

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe ô tô của lực lượng công an đang thi hành nhiệm vụ sử dụng một trong các tín hiệu ưu tiên theo quy định của pháp luật trong trường hợp làm nhiệm vụ khẩn cấp.

đ) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

e) Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

10. Đoàn xe đưa tang.

11. Đoàn xe có xe hộ tống, dẫn đường.

12. Xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “Phí đường bộ toàn quốc” được quy định tại Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính không phải nộp phí khi qua trạm thu phí.

13. Xe làm nhiệm vụ vận chuyển thuốc men, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hoá đến những nơi bị thảm họa hoặc đến vùng có dịch bệnh theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

Điều 3. Mức thu phí và chứng từ thu phí

1. Mức thu phí

Stt	Phương tiện chịu phí	Mức thu phí (đồng/vé/lượt)
01	Phương tiện giao thông thô sơ đường bộ :	
	- Xe đạp, xe đẩy. - Xe lôi đạp, xe gắn máy (kể cả xe máy điện)	1.000 2.000
02	Mô tô	3.000
03	Xe tải có tải trọng dưới 1 tấn	5.000
04	Xe ô tô 04 chỗ ngồi	15.000
05	Xe ô tô 07, 09 chỗ ngồi	20.000
06	Xe ô tô từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; Xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	30.000
07	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; Xe tải có tải trọng từ 04 tấn đến 08 tấn	40.000

Trường hợp đối tượng có nhu cầu mua vé tháng, quý thì mức thu không quá 80% mức thu vé lượt.

2. Chứng từ thu phí

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Trách nhiệm đơn vị thu, quản lý và sử dụng phí qua cầu

1. Đơn vị thu phí : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Hồng Phú, địa chỉ: số 23, Nguyễn Huệ, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Thời hạn thu phí là 24 năm (từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2037).

3. Quản lý và sử dụng tiền phí qua cầu: số tiền phí qua cầu thu được là doanh thu hoạt động kinh doanh của đơn vị thu phí. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện quản lý, sử dụng và hạch toán kết quả kinh doanh theo quy định.

4. Trách nhiệm của đơn vị thu phí

a) Tổ chức điểm bán vé tại trạm thu phí thuận tiện cho người điều khiển phương tiện giao thông, tránh ùn tắc giao thông.

b) Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, sử dụng chứng từ thu phí theo quy định.

c) Duy tu, bảo dưỡng cầu Bình Thủy bảo đảm an toàn giao thông theo quy định hiện hành.

d) Thực hiện thông báo công khai (kể cả niêm yết tại nơi bán vé) về đối tượng thuộc diện trả tiền phí, đối tượng được miễn phí, mức thu và thủ tục thu, nộp phí.

đ) Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các phương tiện qua trạm thu phí theo quy định hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú

Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện duy tu, bảo dưỡng cầu Bình Thủy và kiểm tra, giám sát việc thu phí qua cầu của đơn vị thu phí theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, đơn vị thu phí qua cầu Bình Thủy và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT, TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố ;
- Website An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh